|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT  TP. HỒ CHÍ MINH  KHOA CÔNG NGHỆ MAY & THỜI TRANG | **Ngành đào tạo: Mỹ thuật ứng dụng**  **Trình độ đào tạo: Đại học**  **Chương trình đào tạo: Thiết kế thời trang** |

**Đề cương chi tiết học phần**

1. **Tên học phần:** Vẽ mỹ thuật **Mã học phần:** ARDR140952
2. **Tên Tiếng Anh:** Art Drawing
3. **Số tín chỉ:** 4(3+1) tín chỉ (3 tín chỉ lý thuyết, 1 tín chỉ thực hành/thí nghiệm)

Phân bố thời gian: 15 tuần (3 tiết lý thuyết + 2 tiết thực hành + 10 tiết tự học/ tuần)

1. **Các giảng viên phụ trách học phần:**

1/ GV phụ trách chính: ThS. Nguyễn Thị Trúc Đào

2/ Danh sách giảng viên cùng GD:

- CN Võ Nguyên Thư

-ThS.Nguyễn Thị Hạ Nguyên

-Th.s Nguyễn Xuân Trà

**5. Điều kiện tham gia học tập học phần**

Môn học tiên quyết: Không

Môn học trước: không

1. **Mô tả học phần (Course Description)**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về màu sắc, họa tiết trang trí, sắp xếp bố cục một bài trang trí cơ bản,…ứng dụng chúng vào thiết kế vải hoa, thiết kế chữ, bìa tạp chí,… nhằm nâng cao nhận thức về nghệ thuật nói chung và thời trang nói riêng.

1. **Mục tiêu học phần (Course Goals)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả**  ***(Goal description)***  *(Học phần này trang bị cho sinh viên:)* | **Chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| **G1** | Kiến thức tổng quan về màu sắc, bố cục và họa tiết trang trí,... trong một bài trang trí, ứng dụng vào chuyên môn và cuộc sống. | 1.1, 1.2, 1.3 |
| **G2** | Khả năng phân tích, giải quyết, đánh giá về màu sắc, từ đó hình thành tư duy sáng tạo, kỹ năng chuyên môn phục vụ cho học tập và lĩnh vực chuyên ngành. | 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5 |
| **G3** | Khả năng làm việc nhóm và giao tiếp bằng ngôn ngữ chuyên ngành đồ họa | 3.1, 3.2, 3.3 |
| **G4** | Vai trò của người làm nghệ thuật trong việc hình thành ý tưởng, thiết kế và triển khai ý tưởng. | 4.1, 4.3, 4.4, 4.5 |

1. **Chuẩn đầu ra của học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | | **Mô tả**  *(Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)* | **Chuẩn đầu ra CDIO** |
| **G1** | **G1.1** | Trình bày tổng quan về màu sắc | 1.1 |
| **G1.2** | Phân biệt rõ về họa tiết, bố cục trong một bài trang trí cơ bản. | 1.2 |
| **G1.3** | Xây dựng được các bố cục đẹp mang tính ứng dụng trong chuyên ngành và cuộc sống. | 1.3 |
| **G2** | **G2.1** | Phân tích sự hiện diện của các màu hiện có, phối hợp các màu khác tạo nên tổng thể hài hòa. | 2.1.1 |
| **G 2.2** | Thử nghiệm và khám phá trong việc phối trộn màu và tạo ra gam màu mới. | 2.2.4 |
| **G2.3** | Sắp xếp các mảng hình, màu sắc, đường nét trong một không gian nhất định, tạo nên một bài bố cục hài hòa. | 2.3.3 |
| **G2.4** | Phát huy tính kiên trì, nhẫn nại trong công việc;  Tư duy sáng tạo được đề cao;  Hiểu biết đúng bản thân để hình thành ý tưởng và thể hiện đạt hiệu quả trong học tập | 2.4.2, 2.4.3,  2.4.5 |
| **G2.5** | Luôn cập nhật thông tin kỹ thuật và mỹ thuật để hành xử một cách chuyên nghiệp,  Lên kế hoạch của bản thân để mang lại hiệu quả trong chuyên môn. | 2.5.4  2.5.3 |
| **G3** | **G3.1** | Hoạt động nhóm dưới hình thức phân tích và giải thích các bài vẽ đẹp và chưa đẹp nhằm nâng cao năng lực các thành viên. | 3.1.2 |
| **G3.2** | Giao tiếp với nhau bằng chuyên môn hội họa và ngôn ngữ chuyên ngành. | 3.2.5 |
| **G3.3** | Nhận biết các thuật ngữ chuyên ngành của học phần | 3.3.1 |
| **G4** | **G4.1** | Biết rõ vai trò và trách nhiệm của người làm nghệ thuật;  Vận dụng kiến thức về lịch sử, văn hóa, xã hội đương thời. | 4.1.1, 4.1.4 |
| **G4.3** | Thiết lập mục tiêu và yêu cầu của bản thân để tìm ra ý tưởng sáng tác phù hợp. | 4.3.1 |
| **G4.4** | Vận dụng kiến thức đã học, thực tế cuộc sống thiết kế bài vẽ mang tính sáng tạo, mới lạ và độc đáo | 4.4.3 |
| **G4.5** | Tích hợp những sáng kiến có được thể hiện thành sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật có qui mô nhỏ. | 4.5.4 |
|  | | | |

**9. Tài liệu học tập**

**-** Tài liệu học tập chính:

1.Nguyễn Duy Lâm - Đặng Thị Bích Ngân, *Màu sắc và phương pháp vẽ màu*, NXB văn hóa thông tin, Hà Nội-2004

2. Nguyễn Thế Hùng-Nguyễn Thị Nhung-Phạm Ngọc Tới, *Trang trí* NXB GD – 1998

3. Trịnh Thiệp- ƯngThị Châu, *Mỹ thuật vào phương pháp dạy học,*NXB GD – 1998

**-** Sách tham khảo:

1. Hồng Thúy-Art-*Phác họa cơ thể người* NXB thông tin

2. Nhiều tác giả - *Vẽ vật thực-Phác họa nhân vật* NXB Mỹ thuật

3. Uyên Huy- *Phương pháp vẽ chân dun*g NXB tổng hợp TP.HCM

**10. Đánh giá sinh viên:**

- Thang điểm: **10**

- Kế hoạch kiểm tra như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức KT** | **Nội dung** | **Thời điểm** | **Công cụ KT** | **Chuẩn đầu ra KT** | **Tỉ lệ (%)** |
| **Bài tập** | | | |  | **25** |
| BT#1 | Vẽ vòng thuần sắc | Tuần 2 | Bài tập | G1.1; G2.4; G2.2 | 10 |
| BT#2 | Vẽ bài hòa sắc | Tuần 3 | Bài tập | G 2.1; G2.2 | 10 |
| BT#3 | Kiểm tra các từ vựng AV chuyên ngành của học phần | Tuần 12 | Kiểm tra 15 phút | G 3.3 | 5 |
| **Bài tập lớn (Project)** | | | |  | **40** |
| BL#1 | Chép hoa lá, đơn giản, cách điệu | Tuần 5 | Bài tập | G2.1  G2.2;G2.4 | 15 |
| BL#2 | Thiết kế mẫu vải hoa | Tuần 8 | Bài tập | G2.1;G2.2  G2.3; G5.1; G4.1 | 15 |
| BL#3 | Trình bày báo tường | Tuần 13 | Bài tập nhóm | G 3.1;G 2.3; G2.1 | 10 |
| **Kiểm tra lần 2** | | | |  | **10** |
|  | Vẽ bảng chữ cái cơ bản: Romanh hay Ba tông | Tuần 10 | Bài tập | G1.3; G2.4 |  |
| **Bài tập cuối kỳ** | | |  |  | **25** |
|  | -Thiết kế bìa tạp chí thời trang | Tuần 14, 15 | Bài tập | G4.1, G4.3, G4.4, G2.5 |  |

**11. Nội dung chi tiết học phần:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung** | **Chuẩn đầu ra học phần** |
| 1 | ***Chương 1: TỔNG QUAN VỀ MÀU SẮC*** |  |
| ***A/* Cácnội dung và PPGD chính trên lớp***: (5)*  **Nội dung GD lý thuyết:**  1.Màu sắc và ý nghĩa của chúng  1.1.Màu gốc  1.2.Màu bậc hai  1.3.Màu bậc ba  1.4.Màu trung gian  1.5Màu trung tính  2.Các tính chất của màu  2.1.Sắc giai  2.2.Sắc độ  2.3.Sắc thái  3.Tác dụng màu đối đỉnh  3.1.Màu bổ túc  3.2.Màu tương phản  **PPGD chính**:  + Thuyết trình  + Diễn giảng  +Thực hành  + Tích cực hóa người học | G1.1  G3.3 |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(10)*  -Đọc thêm sáchNguyễn Thế Hùng-Nguyễn Thị Nhung-Phạm ngọc Tới, *trang trí* NXB GD – 1998  - Vẽ vòng thuần sắc, yêu cầu đúng qui định và phải có sự sáng tạo về kiểu dáng, đúng màu và chuyển màu tinh tế. | G1.1, G2.4 |
| 2 | ***Chương 1: TỔNG QUAN VỀ MÀU SẮC (TT)*** |  |
| ***A/*Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp***: (5)*  **Nội dung GD lý thuyết:**  3.Hòa sắc  3.1.Khái niệm  3.2.Hòa sắc nóng, hòa sắc lạnh  3.3.Hòa sắc tương phản, hòa sắc tương đồng  3.4.Hiệu quả của hòa sắc  3.4.1.Hiệu quả rực  3.4.2.Hiệu quả trầm  3.4.3.Hiệu quả nhã  **PPGD chính:**  + Thuyết trình  + Diễn giảng  +Thực hành  + Tích cực hóa người học | G1.1  G3.3, |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(10)*  -Đọc thêm sáchNguyễn Thế Hùng-Nguyễn Thị Nhung-Phạm ngọc Tới, *trang trí* NXB GD – 1998  -Vẽ các bài hòa sắc (tìm ra những gam màu mới, lạ, sáng tạo). Có hòa sắc nóng, hòa sắc lạnh, hòa sắc tương phản, hòa sắc tương đồng. | G1.1, G2.2 |
| 3 | ***Chương 2: CHÉP HOA LÁ*** |  |
| ***A/* Cácnội dung và PPGD chính trên lớp***: (5)*  **Nội dung GD lý thuyết:**  **1.Khái niệm**  **2.CÁCH CHỌN VÀ VẼ MẪU**  2.1.Lựa chọn và nghiên cứu mẫu  2.2.Quan sát và cách vẽ  2.3.Đơn giản hoa lá  2.4.Cách điệu hoa lá  **PPGD chính:**  + Thuyết trình  + Diễn giảng  +Thực hành  + Tích cực hóa người học | G1.2  G3.3 |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(10)*  -Đọc thêm sách: Nguyễn Thế Hùng-Nguyễn Thị Nhung-Phạm ngọc Tới, *trang trí* NXB GD – 1998  -Bài tập ở nhà SV vẽ 10 mẫu hoa lá khác nhau | G1.2 |
| 4 | ***Chương 2: CÁCH ĐIỆU HOA LÁ (tt)*** |  |
| ***A/* Cácnội dung và PPGD chính trên lớp***: (5)*  **Nội dung GD lý thuyết:**  **3.CHỌN MẪU CÁCH ĐIỆU ĐEN TRẮNG**  3.1.Lựa chọn mẫu cách điệu đen trắng  3.2.Phương pháp cách điệu  3.3.Tạo hình hoa lá  **PPGD chính:**  + Thuyết trình  + Diễn giảng  +Thực hành  + Tích cực hóa người học | G1.2  G3.3 |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(10)*  -Đọc thêm sách: Nguyễn Thế Hùng-Nguyễn Thị Nhung-Phạm ngọc Tới, *trang trí* NXB GD – 1998  -Từ một mẫu đã được chọn, SV vẽ 10 bài hoa lá cách điệu đen trắng khác nhau | G1.2 |
| 5 | ***Chương 2: CÁCH ĐIỆU HOA LÁ (tt)*** |  |
| ***A/* Cácnội dung và PPGD chính trên lớp***: (5)*  **Nội dung GD lý thuyết:**  **4.Chọn mẫu cách điệu màu**  4.1.Lựa chọn mẫu cách điệu màu  4.2. Phương pháp cách điệu màu  4.3. Tạo hình hoa lá, phối màu theo dạng trang trí  **PPGD chính**:  + Thuyết trình  + Diễn giảng  +Thực hành  + Tích cực hóa người học | G1.2  G3.3 |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(10)*  -Đọc thêm sáchNguyễn Thế Hùng-Nguyễn Thị Nhung-Phạm ngọc Tới, *trang trí* NXB GD – 1998  - SV hoàn thành bài vẽ bài cách điệu | G1.1; G2.1  G2.3; G4.2 |
| 6 | ***Chương 3: CÁC NGUYÊN TẮC TRANG TRÍ*** |  |
| ***A/* Cácnội dung và PPGD chính trên lớp***: (5)*  **Nội dung GD lý thuyết:**  1.Khái niệm  2.Những yêu cầu của bài bố cục trang trí  2.1.Mảng hình  2.2.Đường nét  2.3.Phân bố đậm nhạt  2.4.Màu sắc  2.5.Cách tiến hành một bài trang trí cơ bản  3.Các loại hình trang trí cơ bản:  3.1.Vuông  3.2.Tròn  3.3.Tam giác  3.4.Đường viền  4.Các nguyên tắc cơ bản của bài bố cục trang trí  4.1.Nguyên tắc cân đối  4.2.Nguyên tắc lập lại  4.3.Nguyên tắc xen kẻ  4.4.Nguyên tắc phá thế  **PPGD chính**:  + Thuyết trình  + Diễn giảng  +Thực hành  + Tích cực hóa người học | G 1.3  G 2.1, G2.3 |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(10)*  +Đọc thêm sách Nguyễn Thế Hùng-Nguyễn Thị Nhung-Phạm ngọc Tới, *trang trí* NXB GD – 1998  + Phác thảo trang trí đường diềm  Phác thảo đen trắng  Phác thảo màu  Thể hiện bài  Khổ giấy 20x40cm | G 1.3  G 2.4 |
| 7 | ***Chương 3: CÁC NGUYÊN TẮC TRANG TRÍ*** |  |
| ***A/* Cácnội dung và PPGD chính trên lớp***: (5)*  **Nội dung GD lý thuyết:**  **5.Các loại hình trang trí ứng dụng**  5.1.Thiết kế vải hoa  5.1.1.Khái niệm  5.1.2.Tìm phác thảo đen trắng  5.1.3.Sắp xếp về bố cục  5.1.4.Tìm họa tiết  5.1.5.Phác thảo màu  **PPGD chính**:  + Thuyết trình  + Diễn giảng  +Thực hành  + Tích cực hóa người học | G 1.3  G2.3  G2.5 |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(10)*  -Đọc thêm sáchNguyễn Thế Hùng-Nguyễn Thị Nhung-Phạm Ngọc Tới, *Trang trí* NXB GD – 1998  -Phác thảo trang trí hình vuông  Phác thảo đen trắng  Phác thảo màu | G1.3; G2.5 |
| 8 | ***Chương 3: CÁC NGUYÊN TẮC TRANG TRÍ*** |  |
| ***A/* Cácnội dung và PPGD chính trên lớp***: (5)*  **Nội dung GD lý thuyết:**  5.1.Thiết kế vải hoa (tt)  5.1.6.Thể hiện bài  5.1.6.1.Phóng to hình đúng kích thước yêu cầu  5.1.6.2.Tìm hình, đúng tinh thần phác thảo đã chọn  5.1.6.3.Vẽ màu kín bài, có gam màu chủ đạo, nóng hay lạnh.  **PPGD chính:**  + Thuyết trình  + Diễn giảng  +Thực hành  + Tích cực hóa người học | G1.3; G2.3  G2.4 |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(10)*  -Đọc thêm sáchNguyễn Thế Hùng-Nguyễn Thị Nhung-Phạm Ngọc Tới, *Trang trí* NXB GD – 1998  -Hoàn thành bài vẽ màu.  Khổ giấy 40x40cm  Yêu cầu: màu lạ, đẹp, sáng tạo, có gam màu chủ đạo, có chính phụ, rõ trọng tâm. | G 2.4; G2.5 |
| 9 | ***Chương 4 : CHỮ*** |  |
| ***A/* Cácnội dung và PPGD chính trên lớp***: (5)*  **Nội dung GD lý thuyết:**  **1. *KIỂU CHỮ CƠ BẢN VÀ CÁCH TRÌNH BÀY***  **1.1.Vai trò của chữ trong trang trí**  **1.1.1.Chữ cơ bản**  1.1.1.1.Kiểu chữ Cổ Đại  1.1.1.2.Kiểu chữ Ai Cập  1.1.1.3.Kiểu chữ La Mã  **1.1.2.Vai trò của chữ trong trang trí**  **PPGD chính**:  + Thuyết trình  + Diễn giảng  +Thực hành  + Tích cực hóa người học | G1.3; G1.2  G2.4 |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(10)*  -Đọc thêm sáchNguyễn Thế Hùng-Nguyễn Thị Nhung-Phạm ngọc Tới, *trang trí* NXB GD – 1998  -Kẻ một trong hai bảng chữ cái Ro manh hoặc Batông. Trình bày lên khổ giấy A3. Màu sắc chữ và màu nền tự chọn | G2.4 |
| 10 | ***Chương4: CHỮ (tt)*** |  |
| ***A/* Cácnội dung và PPGD chính trên lớp***: (5)*  **Nội dung GD lý thuyết:**  ***2.KẺ KHẨU HIỆU***  2.1.Các loại khẩu hiệu  2.2.Cách kẻ khẩu hiệu  2.3.Màu sắc trên khẩu hiệu  **PPGD chính**:  + Thuyết trình  + Diễn giảng  +Thực hành  + Tích cực hóa người học | G1.3; G2.5 |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(10)*  -Đọc thêm sáchNguyễn Thế Hùng-Nguyễn Thị Nhung-Phạm ngọc Tới, *trang trí* NXB GD – 1998  -Kẻ một câu khẩu hiệu( Tiên Học Lễ, hậu Học Văn)  Thể hiện bài  Khổ giấy 30x40cm | G2.4 |
| 11 | ***Chương 4: CHỮ (tt)*** |  |
| ***A/* Cácnội dung và PPGD chính trên lớp***: (5)*  **Nội dung GD lý thuyết:**  ***3. KẺ VÀ TRÌNH BÀY BẢN TRÍCH DẪN***  3.1.Khái niệm  3.2.Cách thực hiện trang trí bản trích  3.3.Màu sắc và họa tiết trang trí  3.4.Nền có họa tiết trang trí  **PPGD chính**:  + Thuyết trình  + Diễn giảng  +Thực hành  + Tích cực hóa người học | G4.1; G4.3 |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(10)*  -Đọc thêm sáchNguyễn Thế Hùng-Nguyễn Thị Nhung-Phạm ngọc Tới, *trang trí* NXB GD – 1998  -Làm phác thảo cho một bản trích kích thước 3mx4m. Đặt ngang hay dọc tự chọn, nội dung chữ tự chọn nhưng không dài quá kích thước bản phản thảo là 30cm x 40cm. | G4.3, G2.4 |
| 12 | ***Chương 4: CHỮ (tt)*** |  |
| ***A/* Cácnội dung và PPGD chính trên lớp***: (5)*  **Nội dung GD lý thuyết:**  ***4.TRÌNH BÀY BÁO TƯỜNG***  4.1.Khái niệm và ý nghĩa của báo tường  4.2.Cách trình bày  4.3.Hình vẽ minh họa và màu sắc  **PPGD chính**:  + Thuyết trình  + Diễn giảng  +Thực hành  + Tích cực hóa người học | G1.3; G1.2 |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(10)*  -Đọc thêm sáchNguyễn Thế Hùng-Nguyễn Thị Nhung-Phạm ngọc Tới, *trang trí* NXB GD – 1998  -Bài tập phác thảo một bài báo tường thu nhỏ | G4.3, G2.4 |
| 13 | ***Chương 4: CHỮ(tt)*** |  |
| ***A/* Cácnội dung và PPGD chính trên lớp***: (5)*  **Nội dung GD lý thuyết:**  **4.*TRÌNH BÀY BÁO TƯỜNG(tt)***  4.4.Cách vẽ:  4.4.1Phác thảo đen trắng (thu nhỏ)  4.4.2.Phác thảo màu  4.4.3.Thể hiện tờ báo tường  **PPGD chính**:  + Thuyết trình  + Diễn giảng  +Thực hành  + Tích cực hóa người học | G2.3, G2.2, G2.4 |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(10)*  -Đọc thêm sáchNguyễn Thế Hùng-Nguyễn Thị Nhung-Phạm ngọc Tới, *trang trí* NXB GD – 1998  -Bài tập phác thảo một bài báo tường thu nhỏ (tt) | G4.3, G2.4 |
| 14 | ***Chương4: CHỮ (TT)*** |  |
| ***A/* Cácnội dung và PPGD chính trên lớp***: (5)*  **Nội dung GD lý thuyết:**  ***5.THIẾT KẾ BÌA SÁCH (TẠP CHÍ THỜI TRANG)***  5.1.Khái niệm  5.2.Các thể loại bìa sách  5.3.Những phần cần có trên bìa sách  5.3.1.Phần chữ  5.3.2.Phần trang trí  5.4.Một số cách làm bìa sách  5.4.1.Bìa sách chỉ dùng chữ  5.4.2.Bìa sách dùng họa tiết trang trí  5.4.3.Bìa sách có hình vẽ, tranh, ảnh  5.5.Các lối vẽ trên bìa sách  **PPGD chính:**  + Thuyết trình  + Diễn giảng  +Thực hành  + Tích cực hóa người học | G4.1; G1.3  G4.3; G4.4 |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(10)*  -Đọc thêm sách Nguyễn Thế Hùng-Nguyễn Thị Nhung-Phạm ngọc Tới, *trang trí* NXB GD – 1998  -Phác thảo 5 mẫu thiết kế bìa tạp chí ngành TKTT bằng chất liệu đen trắng. | G1.3; G4.4 |
| 15 | ***Chương 4:CHỮ (tt)*** |  |
| ***A/* Cácnội dung và PPGD chính trên lớp***: (5)*  **Nội dung GD lý thuyết:**  **5.*THIẾT KẾ BÌA SÁCH (TẠP CHÍ THỜI TRANG) (TT)***  5.6.Cách thiết kế một bìa sách  5.6.1.Chọn nội dung, cốt truyện của sách muốn trình bày  5.6.2.Đặc điểm thể loại sách  5.6.3.Phác thảo bìa sách bằng chất liệu đen trắng  5.6.4.Phác thảo màu  5.6.5.Thể hiện  **PPGD chính**:  + Thuyết trình  + Diễn giảng  +Thực hành  + Tích cực hóa người học | G1.3; G2.4  G4.5 |
| ***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(10)*  -Đọc thêm sáchNguyễn Thế Hùng-Nguyễn Thị Nhung-Phạm ngọc Tới, *trang trí* NXB GD – 1998  -Thể hiện bìa sách và hoàn chỉnh bài | G1.3; G2.4; G4.5 |

**12. Đạo đức khoa học:**

Các bài tập ở nhà và các bài tập lớn dự án phải được thực hiện từ chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện có sao chép thì xử lý các sinh viên có liên quan bằng hình thức đánh giá **0** (không) điểm quá trình và cuối kỳ.

**13. Ngày phê duyệt lần đầu:**

**14. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa** | **Trưởng BM** | **Nhóm biên soạn** |
| Vũ Minh Hạnh | Võ Nguyên Thư | Nguyễn Thị Trúc Đào |

**15. Tiến trình cập nhật ĐCCT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lấn 1:** Nội Dung Cập nhật ĐCCT lần 1: ngày 28 tháng 7 năm 2014 | **<**người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)  Nguyễn Thị Trúc Đào  Tổ trưởng Bộ môn:  Hồ Thị Thục Khanh |